

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2017
V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Trí

2. Bà Lê Thị Xuân

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2017 về việc Tranh chấp Ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mai Xuân Đ, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Hiện đang tạm trú tại: Số nhà X lô 1, khu phố B, phường L, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện anh Đ nộp ngày 11/4/2017 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Mai Xuân Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới có đăng ký kết tại UBND. xã T, huyện N ngày 10/7/2005. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 6/2009 chị T bỏ đi để lại con cho anh nuôi đến nay. Cũng trong 6/2009 anh và chị T sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý. Hiện chị T không có thai với anh. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 1 con chung là Mai Phạm Thanh B, sinh ngày 26/7/2005 đang ở với anh, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nguyên vọng của anh xin được nuôi con, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000đ kể từ tháng 4/2017 đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 18/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Nông Công Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, ngày 12/5/2017 chị T trình bày:

Về hôn nhân: Thời điểm đăng ký kết hôn cũng như thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, chị thống nhất như anh Đ đã trình bày. Hiện nay chị không còn tình cảm với anh Đ nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị thống nhất như anh Đ đã trình bày và đồng ý giao con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ đến khi con thành niên.

Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký và đương sự đúng theo quy định của pháp luật. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt chị theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ. Về con giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, buộc chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800,000đ. Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (sau đây viết tắt là DSST), chị T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

{1} Về tố tụng: Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

{2} Về nội dung:

- Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Mai Xuân Đ và chị Phạm Thị T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của 2 người khác nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh và chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 6/2009 đến nay không ai quan tâm đến ai. Hiện chị T không có thai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt; mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được. Nay anh Đ xin được ly hôn chị T. Về phía chị T cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Anh Đ và chị T có 1 con chung, cháu đang ở với anh. Ly hôn anh xin được nuôi con, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ kể từ tháng 4/2017 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Cháu B cũng có nguyện vọng xin được ở với anh Đ. Về phía chị T đồng ý giao con cho anh Đ và mức cấp dưỡng 800.000đ/tháng. HĐXX xét thấy yêu cầu của 2 bên là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu B nên chấp nhận.

- Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Anh Đ, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

- Về án phí: Anh Đ khởi kiện vụ án ly hôn nên phải chịu án phí Ly hôn. Chị T cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 56, 57, 81, 82, 83, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Mai Xuân Đ được ly hôn chị Phạm Thị T.

Về con chung: Giao cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Mai Phạm Thanh B, sinh ngày 26/7/2005, chị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000đ kể từ tháng 4/2017 đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Mai Xuân Đ phải nộp 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/006361 ngày 12/4/2017, chấp nhận anh Đ đã nộp đủ. Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Anh Đ được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Tình

